TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Sương
Ông Lê Trung Thành

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2022/TLST.HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp 3, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị Hoài T, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Chánh Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng nặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022 và lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 02/2020. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Hoài T.

Về quan hệ con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Võ Thị Hoài T đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* ông Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T, địa chỉ cư trú của bà T thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: ông Q và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Q có đơn xin vắng mặt, bà T thì vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên toà lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: ông Q và bà T kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 26/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang. Do đó được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông Q yêu cầu ly hôn với bà T.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay bà T vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế ông bà đã không còn chung sống cùng nhau cũng như không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Ông bà ly thân từ tháng 02/2020 nhưng suốt thời gian ly thân cho đến nay ông bà vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông Q yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và ông từ chối việc Toà án tiếp tục hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn,

phía bà T thì vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án, không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của ông Q. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của ông Q với bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ông bà không có con chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến vấn đề người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí: ông Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Võ Thị Hoài T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 26/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Võ Thị Hoài T không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003743 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Võ Thị Hoài T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường